TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ H** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ H, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Ông Cao Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Ngọc L, sinh năm 1979; Nơi cư trú: số nhà 34, đường Phan Đình Ph, thị trấn Đạ M, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Vũ L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: số nhà 34, đường Phan Đình Phùng, thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: số nhà 143, khu vực 6, phường Ngã 7, thành phố Ngã 7, thành phố Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 10 năm 2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Vũ Thị Ngọc L (chị L) trình bày:

Chị L và anh Trịnh Vũ L *(anh L)* tự nguyên tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/12/2004. Sau khi đăng ký kết hôn chị L, anh L sống hạnh phúc và có 02 người con. Thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được.

Đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài không thể hòa hợp dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị L, anh L có con 02 chung là các cháu Trịnh Vũ Minh Luân, sinh ngày 20/9/2005; cháu Trịnh Vũ Minh Thư, sinh năm 27/6/2011. Hiện các con đang ở chị L. Ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con mà không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định có tài sản chung nhưng giá trị không lớn, các bên tự thỏa thuận giải quyết và không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Vũ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, sống chung và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng như lời trình bày của chị L là hoàn toàn đúng, thời gian gần đây giữa chị L, anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Đến nay mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hòa hợp dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L khởi kiện xin ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 chung, là cháu Trịnh Vũ Minh Luân, sinh ngày 20/9/2005; cháu Trịnh Vũ Minh Thư, sinh năm 27/6/2011. Hiện các con đang ở chị L. Ly hôn anh L đồng ý giao các con cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung, về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ anh L đến Tòa để hòa giải các đương sự theo quy định. Tuy nhiên, do công việc nên anh L không thể thường xuyên đến Tòa làm việc, đồng thời anh L có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự. Do vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn anh L. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống chị L, anh L xảy ra mâu thuẫn. Kể từ tháng 03 năm 2017 đến nay không còn sống chung với nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa chị L, anh L không còn. Chị L xin ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung có 02 chung là các cháu Trịnh Vũ Minh Luân, sinh ngày 20/9/2005; cháu Trịnh Vũ Minh Thư, sinh năm 27/6/2011. Hiện các con đang ở với chị L. Ly hôn anh L cũng đồng ý giao các con cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi các con nhưng không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị L, anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị L, anh L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ cho bị đơn anh L đến Tòa tham gia tố tụng nhưng anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị L, anh L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng ngày 24/12/2004. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh L được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh L. Tại thời điểm chị L khởi kiện vụ án anh L có nơi cư trú và có mặt tại thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L thì thấy rằng: Sau khi kết hôn chị L, anh L chỉ sống hạnh phúc được một thời gian thì gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Kể từ tháng 3 năm 2017 đến nay chị L, anh L không còn chung sống với nhau, trong thời gian vợ chồng sống ly thân giữa chị L, anh L không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho chị L được ly hôn với anh L là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Về con chung: Theo các giấy khai sinh thể hiện cháu Trịnh Vũ Minh Luân, sinh ngày 20/9/2005 và cháu Trịnh Vũ Minh Thư, sinh năm 27/6/2011 có họ tên người mẹ Vũ Thị Ngọc L, họ tên người cha Trịnh Vũ L. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định các cháu Luân và Thư là con chung của chị L, anh L.

Xét yêu cầu nuôi các con của chị L thì thấy rằng: Hiện tại cháu Trịnh Vũ Minh Luân và cháu Trịnh Vũ Minh Thư đang ở cùng chị L. Ly hôn anh L đồng ý giao các con cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, trong khi đó chị L yêu cầu được nuôi các con. Vì vậy, giao các con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi các con nhưng không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[3.4] Về tài sản chung: Chị L, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.5] Về nợ chung: Chị L, anh L xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Chị L khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc L đối với anh Trịnh Vũ L về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trịnh Vũ L.

2. Về con chung: Giao các cháu Trịnh Vũ Minh Luân, sinh ngày 20/9/2005 và cháu Trịnh Vũ Minh Thư, sinh năm 27/6/2011 cho chị Vũ Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Anh Trịnh Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng, chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ H (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ H (02);
- UBND thị trấn Đạ M' h. Đạ H (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Lập